

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST

Ngày 28-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi;

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Y Do Niê

- Ông Nguyễn Văn Hợi

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Nơi ĐKTT: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nữ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị H (đã chết); Chồng: Quang Văn T; Bị cáo có 04 con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/11/2018 đến ngày 04/11/2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

****Những người tham gia tố tụng khác:***

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Trần Thị Bích D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M mở cơ sở kinh doanh có tên “N T” tại thôn M, xã K, huyện M để chuyên kinh doanh dịch vụ Karaoke và cho thuê phòng nghỉ. Khoảng giữa tháng 8/2018 chị Trần Thị Bích D vào làm phục vụ cho quán của M, công việc của D tại quán là dọn dẹp, tiếp tân thức ăn, nước uống cho khách tại các phòng karaoke và hát cùng với khách khi có yêu cầu để nhận tiền “bo”. Vì thấy khách đến quán của M chủ yếu là nam giới và có nhiều người đặt vấn đề muốn mua dâm với mình nên D thỏa thuận với M là trong quá trình làm việc, nếu khách có nhu cầu mua dâm thì D sẽ bán dâm cho khách tại đây, mỗi lượt D sẽ lấy 500.000đồng từ người mua dâm và trả cho M 100.000đồng chi phí tiền phòng, thấy D đặt vấn đề như vậy thì M đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 01/11/2018, Nguyễn Văn H cùng bạn là Lê Văn N đến quán của M để hát Karaoke. Trong lúc hát, do có nhu cầu muốn quan hệ tình dục nên H đã đặt vấn đề muốn mua dâm với D và được D đồng ý, tuy vậy vì không ai trông quán nên D nói với H phải đợi M về thì mới mua, bán dâm với H được nên H tiếp tục vào phòng Karaoke để hát. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, M về nên H đi đến quầy phục vụ gặp M và đặt vấn đề muốn mua dâm với nhân viên nữ tại nhà nghỉ của M. M hỏi D có bán dâm với H được không thì D đồng ý nên H lấy 1.000.000đồng để trả cho D với mục đích trả tiền mua dâm cho mình và N luôn, vì D phải đi lấy chìa khóa mở phòng để bán dâm nên D nhờ M cầm hộ tiền cho mình, sau khi lấy chìa khóa xong. D dẫn H vào phòng số 04 của nhà nghỉ N T để quan hệ, thì Công an huyện M’Đrăk đến kiểm tra bắt quả tang.

Tại bản kết luận định giá số 04/KL-HĐĐG ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M’Đrăk thì: Căn phòng nghỉ số 04 của nhà nghỉ N T có giá trị 22.232.000đồng; chiếc giường mà các đối tượng sử dụng để mua bán dâm có giá 1.445.000đồng, tổng giá trị của các tài sản nêu trên là 23.677.000đồng.

* *Vật chứng tạm giữ*: 01 bao cao su đã qua sử dụng; Số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với hành vi mua bán dâm của D và H đã vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội nên Công an huyện M’Đrăk đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 15/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự (BLHS).

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai: Do muốn tạo điều kiện cho Trần Thị Bích D và bản thân mình kiếm thêm thu nhập, khi được D đặt vấn đề mua bán dâm tại nhà nghỉ N T của mình thì bị cáo đồng ý và đã nhận tiền. M đã nhận của H tiền mua bán dâm 1.000.000đồng.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội: “Chứa mại dâm”.

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt Nguyễn Thị M từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Về Vật chứng: Áp dụng Điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng; Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đồng do thu lợi bất chính từ việc mua bán dâm. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 22.232.000đồng là trị giá phòng nghỉ số 04 của nhà nghỉ N T và 1.445.000đồng trị giá chiếc giường mà các đối tượng sử dụng để mua bán dâm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh khó khăn, chồng bị tai biến, bị cáo phải nuôi chồng cùng ba con đi học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện M'Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt quả tang, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Vì mục đích tư lợi, Nguyễn Thị M và Trần Thị Bích D đã thỏa thuận, trong thời gian D phục vụ ở quán Karaoke và nhà nghỉ của bị cáo, nếu khách có nhu cầu mua sâm thì bị cáo chấp nhận cho D bán sâm tại nhà nghỉ và chi trả tiền phòng cho bị cáo.

Khoảng 20 giờ ngày 01/11/2018, M đã cho D thuê phòng nghỉ để bán sâm cho Nguyễn Văn H với giá mua sâm là 500.000đồng/lượt, M được nhận 100.000đồng tiền phòng từ số tiền này. Như vậy, hành vi nêu trên của Nguyễn Thị M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại sâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 327 BLHS.

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào chứa mại sâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương mà còn ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đời sống văn hóa của dân tộc. Đây cũng chính là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải xử lý hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự, mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo có bà nội và bác ruột có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương và bằng công nhận là người hoạt động cách mạng trước tháng 8 năm 1945. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên HĐXX xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng mức độ thiệt hại do bị cáo gây ra không lớn, bị cáo là người phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình(có chồng bị tai biến, mất khả năng lao động). nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội, mà chỉ cần định ra cho bị cáo một thời gian để tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và địa phương cũng đủ để răn đe bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội.

[3] Đối với Trần Thị Bích D, Nguyễn Văn H là những người mua bán sâm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã chuyển công an xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với Nghị Định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội. Nên HĐXX không đề cập xử lý.

[4] Về việc xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo phạm tội mang tính chất giản đơn, phạm tội lần đầu, nên chưa cần thiết phải tịch thu một phần tài sản (trị giá căn phòng và chiếc giường ngủ) của bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo bị HĐXX kết tội nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Thị M 01(một) năm 02(hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng (đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2018 giữa cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk và Chi cục thi hành án dân sự huyện M’Đrăk).

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Số tiền trên có đặc điểm theo biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/6/2018 của cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan điều tra công an huyện M’Đrăk hiện đang quản lý.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng quản lý lý lịch - Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk
- Chi cục THADS huyện M'Đrăk;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đức Hợi